

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

Số: /UBND-PLĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Đức Phố, ngày tháng 6 năm 2021

V/v triển khai thực hiện Nghị
định số 20/2021/NĐ-CP ngày
15/3/2021 của Chính phủ và
Thông tư số 02/2021/TT-
BLĐTBXH ngày 24/6/2021
của Bộ Lao động- TB và XH

Kính gửi:

- Phòng Lao động – Thương binh và xã hội;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*gọi tắt là Nghị định số 20*) và Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*gọi tắt là Thông tư số 02*); Công văn số 1424/SLĐTBXH-BTXH ngày 28/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐ- TB và XH; Chủ tịch UBND thị xã chỉ đạo, như sau:

1. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội; Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao thị xã; UBND các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân nắm bắt thông tin về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các nội dung khác theo Nghị định số 20 và Thông tư số 02.

2. Triển khai Nghị định số 20 và Thông tư số 02 bao gồm các nội dung sau:

2.1. Đối tượng đang hưởng chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thì chuyển sang mức và hệ số tương ứng quy định tại Nghị định số 20 kể từ ngày 01/7/2021, thủ tục thực hiện như sau: Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các xã, phường thực hiện rà soát, lập danh sách đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng

hàng tháng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã quyết định chi trả theo mức tương ứng quy định tại Nghị định số 20 từ ngày 01/7/2021.

2.2. Đối tượng phát sinh mới theo Nghị định số 20, cụ thể:

Đối tượng là người đơn thân đang nuôi con thuộc diện hộ cận nghèo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 20.

Trên cơ sở kết quả rà soát các đối tượng phát sinh mới theo quy định tại Nghị định số 20 và theo Công văn số 530/SLĐTĐBXH-BTXH ngày 22/3/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các xã, phường hướng dẫn đối tượng làm hồ sơ, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 20 và thực hiện chế độ chính sách từ ngày 01/7/2021.

2.3. Đối với thực hiện trợ giúp xã hội khẩn cấp

- Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp thuộc diện nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời tại cộng đồng quy định tại khoản 2, Điều 18, Nghị định số 20 thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 02. Thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp quy định tại điểm 2 và điểm 3, Điều 21 Nghị định số 20.

- Mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ các chính sách trợ giúp khẩn cấp, hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Chương III, Nghị định số 20.

- Thời gian thực hiện trợ giúp xã hội khẩn cấp kể từ ngày 01/7/2021.

3. Hồ sơ, thủ tục

- Kể từ ngày 01/7/2021, thủ tục, hồ sơ thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng; hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng, trợ giúp xã hội khẩn cấp và các chế độ chính sách trợ giúp xã hội khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20 và Thông tư số 02. Trường hợp đối tượng đã nộp hồ sơ trước ngày 01/7/2021 nhưng chưa có quyết định hưởng chế độ, chính sách thì đối tượng không phải làm lại hồ sơ (trừ trường hợp đối tượng phải bổ sung hồ sơ theo quy định).

Lưu ý: Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi quy định tại các điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20 kể từ thời điểm người đó đủ 75 tuổi; quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20 kể từ thời điểm người đó đủ 80 tuổi. Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng quy định đối với người khuyết tật từ tháng được cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật. Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng của đối tượng khác kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã ký quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng; Thời gian điều chỉnh mức trợ cấp xã hội hàng tháng kể từ tháng đối tượng đủ điều kiện điều chỉnh.

- Trường hợp đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng bị chết hoặc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội: thực hiện thôi hưởng, tạm dừng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh

phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng theo quy định cụ thể từng trường hợp, hồ sơ, thủ tục quy định tại Điều 2, Thông tư số 02.

4. Về chế độ báo cáo

- Định kỳ trước ngày 15/6 và ngày 15/12 hằng năm, UBND các xã, phường có trách nhiệm tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn quản lý và gửi kèm theo bảng tổng hợp số liệu kết quả thực hiện chính sách theo các mẫu 10b, 10c và 10d ban hành kèm theo Nghị định số 20 và mẫu 10a kèm theo Công văn số 1424/SLĐTBXH-BTXH ngày 28/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội cho UBND thị xã (qua Phòng Lao động - Thương binh và xã hội) để tổng hợp.

- Trên cơ sở báo cáo của các địa phương, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND thị xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn và gửi kèm theo bảng tổng hợp số liệu kết quả thực hiện chính sách theo các mẫu 10b, 10c và 10d ban hành kèm theo Nghị định số 20 và mẫu 10a kèm theo Công văn số 1424/SLĐTBXH-BTXH ngày 28/6/2021 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/6 và ngày 31/12 hằng năm.

Nhận được Công văn này yêu cầu các cơ quan, đơn vị và địa phương khẩn trương thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để thống nhất giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Lao động – TB và XH;
- UBND thị xã;
- Văn phòng thị xã;
- Kho bạc Nhà nước thị xã;
- Lưu: VT, PLĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thanh Hùng

